|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /KH-UBND | *Quảng Bình, ngày tháng 3 năm 2020* |

**KẾ HOẠCH**

**“Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020**

Căn cứ Quyết định số 1952/QĐ-BLĐTBXH ngày 19/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc ban hành Kế hoạch “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn” thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 348/QĐ-BNN-KTHT ngày 10/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3879/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Quảng Bình đến năm 2020” giai đoạn 2017 - 2020”;

Căn cứ Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 5/3/2020 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện dự án “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020;

Căn cứ đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 28/TT-SLĐTBXH ngày 09/3/2020, Uỷ ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2020, như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (LĐNT) tỉnh Quảng Bình đến năm 2020”. Nâng cao chất chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập của LĐNT, góp phần nâng cao chất lượng lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu nghành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

- Nâng cao nhận thức của Lãnh đạo cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành về vai trò, vị trí và trách nhiệm đối với công tác đào tạo nghề cho LĐNT; thực hiện đúng phân công, phân cấp, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác đào tạo nghề co LĐNT ở mỗi ban ngành, địa phương.

**2. Yêu cầu**

- Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp phải xác định đào tạo nghề cho LĐNT là nhiệm vụ quan trọng thúc đẩy mục tiêu xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung hỗ trợ đào tạo nghề phi nông nghiệp để phát triển công nghiệp phụ trợ, du lịch, dịch vụ, đào tạo theo vị trí việc làm tại doanh nghiệp, làng nghề; chú trọng chỉ đạo hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp phục vụ hiệu quả cho nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, sản xuất công nghệ cao và an sinh xã hội nông thôn ở địa phương. Quán triệt và thực hiện tốt phương châm “Không tổ chức đào tạo nghề khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau học nghề”.

**II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

- 100% lao động nông thôn được tuyên truyền, hiểu biết về chính sách học nghề theo Quyết định số 1956.

- Đào tạo nghề cho 12.500 lao động nông thôn, trong đó trình độ cao đẳng: 150 người, trung cấp: 1.550 người, sơ cấp và dưới 03 tháng: 10.800 người.

 - Hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho lao động nông thôn từ nguồn kinh phí Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn kinh phí địa phương: 5.000 người, trong đó phi nông nông nghiệp 2.500 người, nông nghiệp: 2.500 người.

*(Chỉ tiêu giao cụ thể cho các địa phương tại phụ lục 01 đính kèm).*

 - Nâng cao năng lực đào tạo cho các Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề cấp huyện.

 - Phấn đấu tỷ lệ lao động sau học nghề tối thiểu đạt 80% có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn.

**III. NỘI DUNG**

**1. Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với LĐNT**

- Phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề cho LĐNT;

- Triển khai tuyên truyền về đào tạo nghề cho LĐNT trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Tư vấn học nghề và việc làm đối với LĐNT.

2. **Rà soát, cập nhật, bổ sung nhu cầu đào tạo nghề cho LĐNT**

- Rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục nghề đào tạo cho LĐNT;

- Rà soát, xác định nhu cầu đào tạo nghề của LĐNT theo từng nghề và cấp trình độ đào tạo; rà soát, xác định nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo (số lượng, cơ cấu nghề, trình độ đào tạo) của các doanh nghiệp, các ngành kinh tế và thị trường lao động của từng địa phương;

- Rà soát, đánh giá năng lực đào tạo của các cơ sở tham gia đào tạo cho LĐNT về: nghề đào tạo, chương trình, học liệu, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cơ sở vật chất thiết bị đào tạo để xác định các cơ sở đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề cho LĐNT.

**3. Phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy; xây dựng, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí đào tạo nghề cho LĐNT**

- Rà soát, chỉnh sửa, biên soạn mới chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy đạt chuẩn theo quy định và phù hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể theo yêu cầu của doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và nhu cầu của người học; thường xuyên cập nhật kỹ thuật, công nghệ mới. Thực hiện lồng ghép các vấn đề về giới, môi trường, văn hóa xã hội, kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp trong nội dung chương trình đào tạo nghề cho LĐNT;

- Xây dựng định mức kinh tế- kỹ thuật, định mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho các nghề mới.

**4. Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp**

- Bồi dưỡng nghiệp vụ, tuyên truyền, quản lý, tư vấn, giám sát đào tạo nghề nghiệp cho cán bộ các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp huyện, xã; tập huấn nghiệp vụ về công tác đào tạo nghề cho LĐNT đối với Lãnh đạo và cán bộ Phòng Lao động –TBXH, Lãnh đạo và cán bộ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng dạy nghề, kiến thức khởi sự doanh nghiệp cho nhà giáo, người tham gia đào tạo nghề cho LĐNT;

- Bồi dưỡng kiến thức mới, nâng cao kỹ năng thực hành một số nghề liên quan đến lĩnh vực du lịch, dịch vụ, trồng trọt, chăn nuôi ….và một số chương trình bồi dưỡng khác cho nhà giáo, người dạy nghề cho LĐNT khác.

**5. Đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo cho các Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề cấp huyện**

Hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đào tạo cho Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề các huyện Lệ Thủy, Minh Hóa, Bố Trạch, thành phố Đồng Hới và thị xã Ba Đồn theo quy định tại Thông tư số 43/2017/TT-NTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 và Quyết định số 683/QĐ-LĐTBXH ngày 5/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt danh sách các cơ sở được hỗ trợ đầu tư theo chính sách quy định tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số [1956/QĐ-TTg](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=1956/Q%C4%90-TTg&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

**6. Hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT**

*a) Đối tượng được hỗ trợ đào tạo nghề*

Lao động nông thôn, người khuyết tật (thành thị và nông thôn) trong độ tuổi lao động (nữ từ đủ 15-55 tuổi; nam từ đủ 15-60 tuổi), có nhu cầu học nghề, có trình độ học vấn; trường hợp học nghề, thực tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động thì phải đủ 14 tuổi; những người không biết đọc, viết có thể tham gia học những nghề phù hợp thông qua hình thức kèm cặp, truyền nghề và phải đủ sức khoẻ phù hợp với ngành nghề cần học.

*\* Ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề cho người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo; hộ cận nghèo; người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh; ngư dân; lao động nữ nông thôn bị mất việc làm.*

Lao động nông thôn: là người lao động có hộ khẩu thường trú tại xã, người lao động có hộ khẩu thường trú tại phường, thị trấn đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi.

Ngoài ra các địa phương bố trí ngân sách cấp huyện để hỗ trợ triển khai có hiệu quả chính sách đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng theo Quyết định số [46/2015/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/quyet-dinh-46-2015-qd-ttg-chinh-sach-ho-tro-dao-tao-trinh-do-so-cap-dao-tao-duoi-03-thang-291576.aspx) cho các đối tượng gồm: Người học là phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân, lao động chấp hành xong án phạt tù, lao động sau cai nghiện ma túy.

 *b) Nguyên tắc tổ chức đào tạo nghề*

- Mỗi người lao động chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần. Những người đã được hỗ trợ đào tạo từ Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Quảng Bình đến năm 2020” các năm trước và theo các chính sách khác của Nhà nước thì không được hỗ trợ đào tạo. Riêng những người đã được hỗ trợ đào tạo, làm đúng nghề đã học nhưng bị mất việc làm do các nguyên nhân khách quan theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm, nhưng tối đa không quá 03 lần.

- Chỉ xem xét hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động có phương án tự tạo việc làm sau học nghề đảm bảo tính khả thi theo xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc được đơn vị sử dụng lao động cam kết tuyển dụng hoặc có đơn vị cam kết bao tiêu sản phẩm sau học nghề.

- Cơ quan giao nhiệm vụ đào tạo hoặc đặt hàng đào tạo, đơn vị tổ chức đào tạo, doanh nghiệp và các địa phương có trách nhiệm trong việc dự báo việc làm, thu nhập, cam kết tuyển dụng và hỗ trợ bao tiêu sản phẩm, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm cho lao động sau học nghề.

*c) Quy mô lớp học, ngành nghề đào tạo, định mức chi phí đào tạo nghề, mức hỗ trợ tiền ăn và tiền đi lại*

+ Quy mô lớp học: Quy mô của một lớp hỗ trợ đào tạo tối đa 35 người/ lớp, lớp thực hành không quá 18 người/lớp. Riêng đối với một lớp hỗ trợ đào tạo dành riêng cho người khuyết tật thì quy mô tối thiểu 12 người và tối đa 20 người.

+ Ngành nghề hỗ trợ đào tạo, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí đào tạo của từng nghề thực hiện theo quy định tại Quyết định số 4318/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của Ủy ban nhân tỉnh. Đối với những nghề có mức chi phí đào tạo lớn hơn mức hỗ trợ tối đa quy định tại Quyết định số 4318/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 hoặc mức hỗ trợ hỗ trợ đào tạo được quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ thì cơ sở đào tạo chủ động huy động sự hỗ trợ của doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác để đảm bảo chi phí đào tạo;

- Đối với các ngành nghề nông nghiệp: tập trung đào tạo các nghề kỹ thuật và quản lý sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, nghề nuôi trồng, đánh bắt và khai thác thủy sản, chế biến nông, lâm, thủy sản...ưu tiên lựa chọn các ngành nghề phù hợp với quy hoạch sản xuất nông nghiệp của địa phương, ưu tiên đào tạo lao động cho các doanh nghiệp nông nghiệp, lao động thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thành viên quản lý của các hợp tác xã nông nghiệp và đào tạo nghề nông nghiệp cho an sinh xã hội ở các vùng khó khăn.

- Đối với ngành, nghề phi nông nghiệp: tập trung đào tạo các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, công nghệ, công nghiệp, xây dựng, dịch vụ để phát triển công nghiệp phụ trợ, du lịch, dịch vụ, đào tạo theo vị trí việc làm tại Doanh nghiệp, làng nghề; đào tạo nghề cho lao động nông thôn vào làm việc trong các khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung, các dự án đầu tư lớn có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh; đào tạo nghè cho lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, gắn đào tạo với chiến lược, phát triển kinh tế xã hội và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của các địa phương nói riêng và của tỉnh nói chung

+ Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cho các đối tượng ưu tiên thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính.

*d) Cơ sở đào tạo và địa điểm đào tạo*

+ Cơ sở đào tạo:

- Cơ sở đào tạo là các đơn vị đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong đó có nghề đào tạo *(các cơ sở đào tạo chi tiết tại phụ lục 03)*.

- Các đơn vị chưa có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp nhưng có nhu cầu tham gia đào tạo nghề dưới 03 tháng cho LĐNT thì phải đảm bảo các điều kiện tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại mục a,b,d Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH và và mục c khoản 1 Điều 2 Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 và được cơ quan giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng đào tạo kiểm tra các điều kiện tổ chức đào tạo, đồng thời có ý kiến bằng văn bản cho phép đào tạo (trong đó có các nội dung: Tên nghề đào tạo, chương trình đào tạo, quy mô, địa điểm tổ chức đào tạo).

+ Địa điểm đào tạo: Thực hiện linh hoạt tại cơ sở đào tạo, đào tạo lưu động tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Trường hợp đào tạo lưu động thì cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách trước khi giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng đặt hàng đào tạo với cơ sở đào tạo phải kiểm tra thực tế địa điểm đào tạo lưu động về phòng học, phương tiện, thiết bị dạy học và các điều kiện khác phù hợp với nghề đào tạo.

*e) Các hình thức hỗ trợ đào tạo*

- Các hình thức hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính, cụ thể:

+ Thông qua hình thức giao nhiệm vụ giữa cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách và cơ sở đào tạo công lập trực thuộc đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

+ Thông qua hình thức đặt hàng đào tạo giữa cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện chính sách và cơ sở đào tạo công lập (không phải là đơn vị trực thuộc cơ quan được giao nhiệm vụ nhưng có đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp) hoặc cơ sở đào tạo ngoài công lập có đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

 Đối với trường hợp lớp hỗ trợ đào tạo nghề dành riêng cho người khuyết tật, cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện chính sách ký hợp đồng đào tạo với các cơ sở đào tạo hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh có Đề án tổ chức dạy nghề gắn với việc làm cho người khuyết tật (đào tạo nghề nghiệp theo hình thức truyền nghề, vừa học vừa làm).

- Việc giao nhiệm vụ và đặt hàng đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành.

**7. Nhân rộng các mô hình đào tạo nghề hiệu quả**

**-** Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp liên kết với doanh nghiệp trên địa bàn để tổ chức đào tạo và tuyển dụng LĐNT sau học nghề;

- Mỗi huyện, thị xã, thành phố phải thực hiện ít nhất 01 mô hình đào tạo nghề nông nghiệp, 01 mô hình đào tạo nghề phi nông nghiệp có hiệu quả, tổ chức đánh giá và nhân rộng mô hình.

**8. Quản lý, kiểm tra, giám sát, quản lý, đánh giá tình hình thực hiện**

- Kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT, đánh giá hiệu quả công tác đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo;

- Tổ chức Đoàn học tập kinh nghiệm triển khai chính sách đào tạo nghề cho LĐNT tại các tỉnh thực hiện có hiệu quả;

- Tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nội dung của Kế hoạch, tình hình quản lý và sử dụng kinh phí;

- Tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả, tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh.

**IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

 **1. Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm cho LĐNT**

- Tăng cường tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề cho LĐNT; về vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với tạo việc làm, nâng cao thu nhập và phát triển kinh tế - xã hội để người LĐNT biết và tích cực tham gia học nghề; quảng bá những mô hình hay, những gương điển hình sau học nghề làm kinh tế giỏi để nhân rộng.

- Tổ chức lồng ghép tuyên truyền bằng nhiều hình thức thông qua các tổ chức, đoàn thể ở địa phương về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT, đặc biệt là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, thanh niên, người hoàn thành xong án phạt tù, lao động nữ, lao động ở vùng bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển.

- Tăng cường công tác tư vấn cho người LĐNT, phân luồng đối tượng, tuổi đời, trình độ học vấn trong việc lựa chọn nghề học và có điều kiện làm nghề sau khi học.

- Đẩy mạnh lồng ghép công tác tuyển sinh học nghề với tư vấn, giới thiệu việc làm, định hướng hỗ trợ việc làm có địa chỉ cho người lao động.

**2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho LĐNT**

 - Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT sát với thực tế địa phương, đặc biệt là các xã xây dựng nông thôn mới, trong đó lồng ghép thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT với các chương trình, dự án thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề khác;

- Khảo sát nhu cầu tuyển dụng lao động sau đào tạo của các doanh nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh...để hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động các địa phương. Tổ chức rà soát lại các nghề đào tạo cho LĐNT, bảo đảm các nghề phải phù hợp nhu cầu thực tế của địa phương, nhu cầu sử dụng lao động theo vị trí làm việc của doanh nghiệp trên địa bàn.

- Lựa chọn các cơ sở đào tạo có đủ điều kiện về giáo viên, chương trình, giáo trình, cơ sở vật chất, thiết bị tham gia đào tạo nghề. Kiên quyết không để các cơ sở không đủ điều kiện, tổ chức đào tạo kém hiệu quả tham gia đào tạo nghề cho LĐNT.

- Ưu tiên ký hợp đồng đào tạo nghề với các cơ sở đào tạo có hợp đồng liên kết với doanh nghiệp, làng nghề trong việc đào tạo nghề với giải quyết việc làm, bao tiêu sản phẩm hoặc doanh nghiệp trực tiếp đào tạo để tuyển dụng lao động vào làm việc. Đối với đào tạo nghề nông nghiệp thực hiện theo các định hướng hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp để phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, để tham gia sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, để đảm bảo an sinh xã hội nông thôn hoặc đào tạo nghề gắn với hỗ trợ nông dân liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, gắn với hỗ trợ vay vốn và thành lập mô hình liên kết sản xuất để nâng cao hiệu quả công tác đào tạo kỹ thuật nghề nông cho nông dân (chỉ tổ chức đào tạo nghề cho LĐNT khi xác định được nơi làm việc và mức thu nhập với việc làm có được sau khi học nghề).

- Khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tham gia đào tạo nghề và tạo việc làm cho LĐNT. Tổ chức Hội nghị liên kết đào tạo và cung ứng lao động giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh để gắn kết đào tạo nghề với giải quyết việc làm, bao tiêu sản phẩm. Hướng dẫn các doanh nghiệp đặt hàng đào tạo với cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức hỗ trợ đào tạo nghề ở địa phương, nhận bao tiêu sản phẩm và tuyển dụng lao động sau khi học nghề.

- Phát triển các ngành nghề mới, nhất là các nghề phục vụ thế mạnh phát triển du lịch, dịch vụ, các vùng chuyên canh nông nghiệp.

  **3. Tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý công tác đào tạo nghề và hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT**

- Ban chỉ đạo cấp huyện thực hiện kiểm tra, giám sát đối với cấp xã có các lớp hỗ trợ đào tạo nghề trên địa bàn.

- Cấp xã kiểm tra, giám sát tất cả các lớp đào tạo mở tại xã, theo dõi, đánh giá hiệu quả sau đào tạo.

- Sở Lao động – TBXH kiểm tra, giám sát đối với cấp huyện về công tác triển khai các hoạt động đào tạo nghề, kiểm tra đối với cơ sở đào tạo nghề về thực trạng các lớp được hỗ trợ đào tạo; các hoạt động tổ chức đào tạo nghề của đơn vị; việc mua sắm, sử dụng thiết bị đào tạo được đầu tư...).

- Sở Nông nghiệp & PTNN thực hiện kiểm tra đối với cấp huyện, cơ sở đào tạo và các lớp được hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp.

- Huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và nhân dân trong việc giám sát và phản biện đối với công tác đào tạo nghề tại địa phương.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh và cơ quan thường trực Đề án 1956 của tỉnh.

**V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**Tổng kinh phí: 22.980 triệu đồng**, trong đó:

a) Kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới: **21.180** triệu đồng, cụ thể:

 - Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề: 12.500 triệu đồng;

- Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm; Rà soát, cập nhật, bổ sung nhu cầu đào tạo nghề cho LĐNT: 640 triệu đồng;

 - Phát triển chương trình, giáo trình; xây dựng định mức kinh tế- kỹ thuật, chi phí đào tạo các nghề mới để đào tạo nghề cho LĐNT: 800 triệu đồng;

- Phát triển giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp: 350 triệu đồng;

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo cho Trung tâm Giáo dục –Dạy nghề cấp huyện: 6.350 triệu đồng;

- Quản lý, kiểm gia, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn: 540 triệu đồng *(Cụ thể tại Phụ lục 02 đính kèm).*

b) Kinh phí địa phương (UBND các huyện, thành phố, thị xã bố trí ngân sách cấp huyện): dự kiến **1.000** triệu đồng.

c) Kinh phí từ các chương trình, dự án khác: **800** triệu đồng.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; tham mưu UBND tỉnh tiếp tục xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật một số nghề mới;

- Hướng dẫn thực hiện việc hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT và đầu tư mua sắm, sử dụng thiết bị đào tạo cho các Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề cấp huyện theo quy định hiện hành;

- Tổ chức tuyên truyên, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ phụ trách công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp cấp huyện, cấp xã và ở các cơ sở đào tạo nghề cho LĐNT; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, đào tạo chuẩn hóa một số nghề cho nhà giáo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Tiếp tục tổ chức xây dựng và ban hành các chương trình, giáo trình đào tạo nghề phi nông nghiệp trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho LĐNT từ nguồn kinh phí được phân giao.

- Kiểm gia, giám sát, đánh giá tình hình, kết quả, hiệu quả thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT năm 2020 trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập kinh nghiệm về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại một số tỉnh bạn.

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổng kết đánh giá kết quả, tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh.

**2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Trực tiếp chỉ đạo và hướng dẫn triển khai công tác đào tạo nghề nông nghiệp, hướng dẫn xây dựng mô hình đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT;

- Cung cấp thông tin về định hướng, quy hoạch sản xuất nông nghiệp làm cơ sở xây dựng kế hoạch hàng năm; hướng dẫn các cơ sở xây dựng, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng theo quy định;

- Tiếp tục tổ chức xây dựng và ban hành các chương trình, giáo trình đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT từ nguồn kinh phí được phân giao;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT trên địa bàn;

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp 06 tháng, 01 năm và giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp chung, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

**3. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Tổ chức có hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, tư vấn, giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trong các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông để học sinh có thái độ đúng đắn về giáo dục nghề nghiệp và chủ động lựa chọn các loại hình đào tạo nghề sau khi tốt nghiệp giáo dục phổ thông.

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức tốt công tác phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông theo các mục tiêu, chỉ tiêu tại Kế hoạch số 963/KH-UBND này 14/6/2019 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án “ Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thôn giai đoạn 2019 – 2025”.

**4. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Thông tin và Truyền thông, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh** chịu trách nhiệm triển khai nhiệm vụ được phân công theo Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

**5**. **Đề nghị các đoàn thể: Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh:** tổ chức tuyên truyền, tư vấn, vận động lao động nông thôn, các hội viên là nông dân, phụ nữ, thanh niên tham gia học nghề; phối hợp kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

**6. Ban Quản lý khu kinh tế**

- Tổ chức tuyên truyền kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956 đến các doanh nghiệp trong khu kinh tế.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp trong khu kinh tế thực hiện các nội dung:

+ Thống kê, tổng hợp nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề (chi tiết theo từng nghề, từng cấp trình độ) gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội; phối hợp với Ban Chỉ đạo 1956 các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

+ Hướng dẫn các doanh nghiệp ưu tiên tuyển dụng lao động nông thôn sau học nghề, ưu tiên tuyển dụng lao động thuộc đối tượng chính sách, người khuyết tật, người lao động thuộc hộ nghèo...

**7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

+ Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT năm 2020 trên địa bàn sát với tình hình thực tế ở địa phương; chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn;

+ Chỉ đạo các cơ quan phát thanh- truyền hình của địa phương xây dựng, cập nhật chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về đào tạo nghề, tạo việc làm cho các đối tượng LĐNT sau đào tạo;

+ Chỉ đạo UBND cấp xã tuyên truyền, tư vấn cho người lao động tại địa phương lựa chọn học nghề phù hợp; xác nhận vào đơn đăng ký học nghề của người lao động đúng đối tượng; tham gia kiểm tra, giám sát việc đào tạo nghề cho LĐNT trên địa bàn;

+ Đối với hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề:

- Giao kinh phí cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện (phòng Kinh tế thị xã, thành phố) thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho LĐNT, tuyên truyền, rà soát nhu cầu học nghề của người lao động và nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn, quản lý, kiểm tra giám sát thực hiện chính sách tại địa phương;

 - Trên cơ sở kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn của tỉnh, xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg tại địa phương và triển khai đảm bảo hiệu quả, đúng quy định; Chú trọng xây dựng mô hình điểm về đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tổ chức đánh giá chất lượng kết quả đầu ra và nhân rộng các mô hình đào tạo hiệu quả.

- Lựa chọn cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và các đơn vị đào tạo dưới 03 tháng đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp để ký hợp đồng tổ chức các lớp đào tạo. Không để các cơ sở đào tạo kém hiệu quả tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Thực hiện các hình thức hỗ trợ đào tạo thông qua việc giao nhiệm vụ và đặt hàng theo quy định;

 - Chủ động bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương, thực hiện lồng ghép, huy động các nguồn lực từ các chương trình, dự án khác để cùng với nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng lao động nhằm thực hiện đạt chỉ tiêu đề ra. Bố trí thêm kinh phí để thực hiện các hoạt động khác như: tuyên truyền, hoạt động của Ban chỉ đạo; kiểm tra, giám sát...

+ Lồng ghép các chương trình, dự án hỗ trợ người lao động sau học nghề để tổ chức sản xuất, xây dựng mô hình sản xuất, tìm thị trường, đầu ra cho sản phẩm. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người lao động được vay vốn sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, xuất khẩu lao động sau khi học nghề;

+ Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề và các lớp được hỗ trợ đào tạo nghề mở tại địa phương. Phối hợp với UBND cấp xã và đơn vị đào tạo theo dõi tình hình việc làm của LĐNT để có căn cứ đánh giá hiệu quả sau đào tạo;

+ Định kỳ 6 tháng, năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch và qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tình hình, kết quả thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho LĐNT trên địa bàn.

**+** Chỉ đạo, tổ chức tổng kết đánh giá tình hình, kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010 – 2020 trên địa bàn.

**8. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và các đơn vị khác tham gia đào tạo nghề dưới 03 tháng**

***8.1. Đối với các Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề được phân bổ kinh phí đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đào tạo***

- Xây dựng Kế hoạch đầu tư sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đào tạo phù hợp với ngành nghề đơn vị đủ điều kiện tổ chức đào tạo theo hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị được đầu tư nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho LĐNT.

- Báo cáo kết quả đầu tư, kinh phí thực hiện và hiệu quả, hiệu suất sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị được hỗ trợ.

***8.2. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề cho LĐNT***

+ Đẩy mạnh lồng ghép công tác tuyển sinh học nghề với tư vấn, giới thiệu việc làm, định hướng hỗ trợ việc làm cho người lao động sau đào tạo;

+ Căn cứ Kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT năm 2020 của các địa phương chủ động đăng ký tổ chức các lớp hỗ trợ đào tạo nghề. Chủ động liên kết với các doanh nghiệp, làng nghề trong việc ký kết hợp đồng đào tạo với giải quyết việc làm, bao tiêu sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp...;

+ Chuẩn bị tốt nhất các điều kiện về cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, đội ngũ nhà giáo để tổ chức các lớp đào tạo nghề cho LĐNT;

+ Tổ chức tuyển sinh và thực hiện chương trình đào tạo theo đúng quy định của Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

+ Báo cáo kết quả, hiệu quả đào tạo và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo với cơ quan giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn” thuộc Chương trình MTQG dựng nông thôn mới năm 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu: Thủ trưởng các Sở, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Các Bộ: LĐTBXH, NN&PTNT;- PCT UBND tỉnh Trần Tiến Dũng;- Các Sở, ngành, đoàn thể liên quan;- Ban Quản lý khu kinh tế;-VP ĐP CTMT QG NTM của tỉnh;- UBND các huyện, thành phố, thị xã;- Phòng LĐTBXH, phòng NNPTNT (phòng Kinh tế) cấp huyện;- Các đơn vị đào tạo;- Lưu: VT, KGVX.  | **KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Trần Tiến Dũng** |

**Phụ lục 01**

**CHỈ TIÊU HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP VÀ**

**DƯỚI 03 THÁNG CHO LĐNT NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2020*

 *của UBND tỉnh Quảng Bình)*

 *Đơn vị tính: Người*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Địa phương** | **Chỉ tiêu hỗ trợ** **đào tạo nghề**  |
|
| 1 | Ủy ban nhân dân huyện Tuyên Hóa  | 650 |
| 2 | Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới | 600 |
| 3 | Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch  | 600 |
| 4 | Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy  | 700 |
| 5 | Ủy ban nhân dân huyện Minh Hóa  | 550 |
| 6 | Ủy ban nhân dân huyện Quảng Ninh | 600 |
| 7 | Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch | 650 |
| 8 | Ủy ban nhân dân thị xã Ba Đồn | 650 |
|  | **Toàn tỉnh** | **5.000** |

**Phụ lục 02**

**KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Bình)*

 *Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung, địa phương, đơn vị** |  **Kế hoạch kinh phí** | **Địa phương, đơn vị thực hiện** |
| **I** | **Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề; Tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm; Rà soát, cập nhật, bổ sung nhu cầu học nghề; đào tạo bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý; phát triển chương trình, giáo trình; xây dựng, chỉnh sửa định mức kinh tế-kỹ thuật; quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá và các hoạt động khác** | **13.680** |  |
| ***1*** | **Huyện Lệ Thủy** |  ***1.750*** | ***UBND huyện Lệ Thủy*** |
|   | Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề; nhân rộng các mô hình đào tạo nghề cho LĐNT | 1.650 |   |
|   | Tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm; Rà soát, cập nhật, bổ sung nhu cầu học nghề của LĐNT | 70 |   |
|  | Quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT và các hoạt động khác | 30 |  |
| ***2*** | **Huyện Quảng Ninh** |  ***1.550*** | ***UBND huyện Quảng Ninh*** |
|   | Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề; nhân rộng các mô hình đào tạo nghề cho LĐNT | 1.450 |   |
|   | Tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm; Rà soát, cập nhật, bổ sung nhu cầu học nghề của LĐNT | 70 |   |
|   | Quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT và các hoạt động khác | 30 |   |
| ***3*** | **Thành phố Đồng Hới** |  ***1.600*** | ***UBND T.Phố Đồng hới*** |
|   | Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề; nhân rộng các mô hình đào tạo nghề cho LĐNT |  1.500 |   |
|   | Tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm; Rà soát, cập nhật, bổ sung nhu cầu học nghề của LĐNT | 70 |   |
|   | Quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT và các hoạt động khác | 30 |   |
| ***4*** | **Huyện Bố Trạch** |  ***1.750*** | ***UBND huyện Bố Trạch*** |
|   | Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề; nhân rộng các mô hình đào tạo nghề cho LĐNT |  1.650 |   |
|   | Tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm; Rà soát, cập nhật, bổ sung nhu cầu học nghề của LĐNT | 70 |   |
|   | Quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT và các hoạt động khác | 30 |   |
| ***5*** | **Thị xã Ba Đồn** | ***1.700*** | ***UBND Thị xã Ba Đồn*** |
|   | Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề; nhân rộng các mô hình đào tạo nghề cho LĐNT | 1.600 |  |
|   | Tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm; Rà soát, cập nhật, bổ sung nhu cầu học nghề của LĐNT | 70 |  |
|   | Quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT và các hoạt động khác | 30 |  |
| ***6*** | **Huyện Quảng Trạch** | ***1.550*** | ***UBND huyện Quảng Trạch*** |
|   | Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề; nhân rộng các mô hình đào tạo nghề cho LĐNT | 1.450 |  |
|   | Tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm; Rà soát, cập nhật, bổ sung nhu cầu học nghề của LĐNT | 70 |  |
|   | Quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT và các hoạt động khác | 30 |  |
| ***7*** | **Huyện Tuyên Hóa** | ***1.700*** | ***UBND huyện Tuyên Hóa*** |
|   | Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề; nhân rộng các mô hình đào tạo nghề cho LĐNT | 1.600 |  |
|   | Tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm; Rà soát, cập nhật, bổ sung nhu cầu học nghề của LĐNT | 70 |  |
|   | Quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT và các hoạt động khác | 30 |  |
| ***8*** | **Huyện Minh Hóa** | ***1.700*** | ***UBND huyện Minh Hóa*** |
|   | Hỗ trợ lao động nông thôn học nghề; nhân rộng các mô hình đào tạo nghề cho LĐNT | 1.600 |  |
|   | Tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm; Rà soát, cập nhật, bổ sung nhu cầu học nghề của LĐNT | 70 |  |
|   | Quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT và các hoạt động khác | 30 |  |
| ***9*** | **Sở Lao động - Thương binh và Xã hội** | ***1.210*** | ***Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*** |
|   |  Tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn  | 80 |  |
|   |  Biên soạn chương trình tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ; phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp  | 350 |  |
|   |  Xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng nghề phi nông nghiệp; xây dựng định mức kinh tế- kỹ thuật, định mức chi phí đào tạo các nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng | 550 |  |
|   |  Quản lý, kiểm tra, giám sát, quản lý, đánh giá tình hình thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT | 230 |  |
| ***10*** | **Chi cục Phát triển nông thôn** | ***320*** | ***Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*** |
|   |  Xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng nghề nông nghiệp. | 250 |  |
|   |  Quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện đào tạo nghề cho LĐNT | 70 |  |
| **II** | **Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo cho các Trung tâm Giáo dục- Dạy nghề cấp huyện** | **6.350** |  |
| 1 | Trung tâm Giáo dục – Dạy nghề huyện Bố Trạch | 1.600 | **Trung tâm Giáo dục – Dạy nghề huyện Bố Trạch** |
| 2 | Trung tâm Giáo dục – Dạy nghề huyện Minh Hóa | 1.200 | **Trung tâm Giáo dục – Dạy nghề huyện Minh Hóa** |
| 3 | Trung tâm Giáo dục – Dạy nghề huyện Lệ Thủy | 1.600 | **Trung tâm Giáo dục – Dạy nghề huyện Lệ Thủy** |
| 4 | Trung tâm Giáo dục – Dạy nghề thành phố Đồng Hới | 950 | **Trung tâm Giáo dục – Dạy nghề thành phố Đồng Hới** |
| 5 | Trung tâm Giáo dục – Dạy nghề thị xã Ba Đồn | 1.000 | **Trung tâm Giáo dục – Dạy nghề thị xã Ba Đồn** |
| **TỔNG CỘNG(I+II):** | **21.180** |  |
|  **Bằng chữ: *Hai mươi mốt tỷ một trăm tám mươi triệu đồng.*** |

**Phụ lục 03**

**DANH SÁCH CƠ SỞ ĐÃ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**(Đến thời điểm 29/02/2020)**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Bình)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đơn vị** | **Địa chỉ** |
| **I** | **Cơ sở giáo dục nghề nghiệp** |
| 1 | Trường Cao đẳng nghề Quảng Bình | Tổ dân phố 1, Bắc Lý, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình |
| 2 | Trường Trung cấp Du lịch- Công nghệ số 9  | Số 193, Đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình |
| 3 | Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nông nghiệp Quảng Bình | Số 1, đường Trần Nhật Duật, xã Đức Ninh, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình |
| 4 | Trường Trung cấp Kinh tế Quảng Bình | Đường Chu Văn An, TDP4 Phường Bắc Nghĩa, Tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình |
| 5 | Trường Trung cấp nghề Bình Minh | Thôn Lệ Kỳ, xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình |
| 6 | Trung tâm Giáo dục-Dạy nghề huyện Lệ Thuỷ | Khu vực 2, xã Mai Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình |
| 7 | Trung tâm Giáo dục-Dạy nghề huyện Quảng Trạch | Thôn Tiền phong, xã Quảng Long, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình |
| 8 | Trung tâm Giáo dục-Dạy nghề huyện Tuyên Hoá | Thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình |
| 9 | Trung tâm Giáo dục-Dạy nghề thị xã Ba Đồn | Đường Lâm Úy, khu phố 5, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình |
| 10 | Trung tâm Giáo dục-Dạy nghề huyện Minh Hoá | Thôn Tân Lợi, xã Yên Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình |
| 11 | Trung tâm Giáo dục-Dạy nghề huyện Bố Trạch | Thôn 3, xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình |
| 12 | Trung tâm Giáo dục-Dạy nghề thành phố Đồng Hới | Thôn Giao Tế, xã Đức Ninh, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình |
| 13 | Trung tâm Giáo dục-Dạy nghề huyện Quảng Ninh | Thôn Dinh Mười, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình |
| 14 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Hỗ trợ Nông dân – Phụ nữ Quảng Bình | TDP 6, phường Bắc Lý, Tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình |
| **II** | **Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp** |
| 1 | Xí nghiệp May Hà Quảng | Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình |